

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ-ST

Ngày 10-9-2021

*“V/v ly hôn giữa anh Th-Chị Đ”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Đức

***- Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Nguyễn Công Tụ.

2. Bà Nguyễn Thị Đoan.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Hà Văn Th, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn Th1, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương.

***- Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

*(Anh Th chị Đ vắng mặt và có đơn xin xử án vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Hà Văn Th trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Đ tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/6/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống và lao động tự do tại xã H. Trong quá trình chung sống, do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Cuối năm 2011 mâu thuẫn càng tăng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị xin được ly hôn chị Đ.*

Về con chung: Anh Th khai vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Anh Th khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 27/8/2021 anh Th gửi đơn đề nghị xin được xử án vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

*Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị Đ:* Tại nội dung các biên bản xác minh và tại biên bản ghi lời khai ngày 01/9/2021 chị xác nhận tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Th không còn, chị cũng nhất trí xin được ly hôn anh Th. Về con chung chị xác nhận chị và anh Th không có con chung. Về tài sản chung chị xác nhận chị và anh Th không có tài sản chung không có nợ chung. Ngày 01/9/2021 chị Đ gửi đơn đề nghị xin được xử án vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến:* Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải là chấp hành chưa tốt các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Th được ly hôn chị Đ; Anh Th, chị Đ không có con chung, không có tài sản chung; Anh Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn và bị đơn có đơn gửi Tòa án xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Hà Văn Th và chị Nguyễn Thị Đ được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/6/2011 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh Th và chị Đ sinh sống với gia đình anh Th tại thôn Th1, xã H và lao động tự do, trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Cuối năm 2011 mâu thuẫn càng tăng, chị Đ đã trở về nhà bố mẹ đẻ tại thôn L, xã A sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Th làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn. Còn đối với chị Đ quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để chị Đ biết và đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ chồng có cơ hội

gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng chị Đ vắng mặt. Tại biên bản ghi lời khai ngày 01/9/2021 chị Đ xác nhận đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án gửi, về quan hệ hôn nhân chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Th không còn, chị cũng nhất trí xin được ly hôn anh Th. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa anh Th và chị Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Th được ly hôn chị Đ là có căn cứ.

[4] Về con chung: Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai, anh Th và chị Đ đều xác nhận vợ chồng không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Anh Th và chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Anh Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Th và chị Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hà Văn Th được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ.

2/Về con chung: Anh Th và chị Đ không có con chung.

3/Về tài sản chung: Anh Th và chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004442 ngày 15/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Anh Th và chị Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã H;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**NGUYỄN MINH ĐỨC**

